

Bản án số: 290/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22-10-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Trần Văn Kiêm;
2. Ông Nguyễn Ngọc Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Én – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 22-10-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 126/2019/TLST- HNGĐ ngày 23-5-2019 về việc xin ly hôn, chia tài sản chung và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26-9-2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị B, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Xóm 9, xã Hải Lộc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.
2. *Bị đơn:* Anh Chu Văn Kh, sinh năm 1984;
Địa chỉ: Xóm 9, xã Hải Lộc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.
- Ngân hàng Nông nghiệp phát triển Nông thôn Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh1 – Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn U – Chức vụ Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn chi nhánh Hải Hậu, tỉnh Nam Định (Văn bản ủy quyền ngày 19-6-2014).

- Bà Vũ Thị Th, sinh năm 1965;
Địa chỉ: Xóm 5, xã Hải Phúc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.
- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962;
Địa chỉ: Xóm 5, xã Hải Phúc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Có mặt chị B, anh Kh, vắng mặt, ông U, bà Th và bà H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 21-5-2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị B trình bày:

Chị Phạm Thị B kết hôn với anh Chu Văn Kh trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hải Lộc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25-12-2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ của anh Kh đến năm 2010 vợ chồng xây nhà ra ở riêng đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra xích mích cãi chửi nhau. Tháng 2-2019 chị B đã về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và trách nhiệm từ đó đến nay. Nay chị B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn xin được ly hôn anh Kh.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Chu Ngọc Diệu, sinh ngày 06-11-2008, cháu Chu Ngọc Trang, sinh ngày 02-9-2013 và cháu Chu Gia Bách, sinh ngày 13-5-2018, hiện đang 03 con đang do anh Kh nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị B xin được nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu anh Kh phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng chị B và anh Kh đã tự phân chia tài sản chung vợ chồng trước khi tòa án hòa giải và đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án để thuận lợi cho việc sở hữu, sử dụng cũng như trả nợ sau này cụ thể.

Anh Chu Văn Kh được quyền sử dụng thổ đất diện tích 480m² tại tờ bản đồ số 19, số thửa 129 tại xóm 9, xã Hải Lộc đứng tên anh Kh, chị B và được quyền sở hữu 01 nhà mái bằng các công trình xây dựng trên đất. Nhưng phải trả nợ Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Chi nhánh Hải Hậu 200.000.000đ, trả nợ bà Vũ Thị Th 21.000.000đ.

Chị Phạm Thị B được quyền sở hữu 01 xe mô tô BKS 18H1 – 41859 đứng tên chị B. Nhưng chị B phải trả nợ cho bà Nguyễn Thị H 67.000.000đ tiền hội, trả nợ mẹ đẻ là bà Vũ Thị Th 25 chỉ vàng 24k.

- Tại bản tự khai ngày 23-5 và 28-5-2019 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Chu Văn Kh có lời khai phù hợp với lời khai của chị B về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị B làm đơn xin ly hôn, anh Kh cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh Kh xác nhận vợ chồng có 03 con chung như chị B trình bày. Về con chung anh để các cháu và Tòa án quyết định, nếu anh nuôi các con anh cũng không yêu cầu chị B cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Anh xác nhận đã thỏa thuận về tài sản và công nợ như chị B trình bày.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn U – Chức vụ Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn chi nhánh Hải Hậu trình bày: Vợ chồng anh Chu Văn Kh và chị Phạm Thị B có đứng tên vay vốn của Ngân hàng để vay số tiền 200.000.000đ. Nay vợ chồng ly hôn Ngân hàng đề

nghe Tòa án buộc vợ chồng phải thanh toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng. Do công việc bận đề nghị Tòa án xin được vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà Vũ Thị Th trình bày: Xuất phát từ mối quan hệ bà là mẹ đẻ của chị B, anh Kh là con rể. Trong quá trình vợ chồng chị Kh và anh B còn chung sống có vay của bà 02 lần cụ thể. Lần 1 Năm 2010 vay của bà 25 chỉ vàng 9999 về làm nhà; Lần 2 Năm 2018 vay của bà 21.000.000đ về mua đất làm đầm tôm. Nay vợ chồng ly hôn bà đề nghị Tòa án buộc vợ chồng phải trả bà số tiền và số vàng như trên.

- Bà Nguyễn Thị H trình bày: Xuất phát từ mối quan hệ gia đình. Tháng 9-2016 bà có đứng nên thành lập hội tiền gồm 16 xuất hội, vợ chồng anh Kh và chị B đã rút hội số 2. Đến nay vợ chồng anh Kh, chị B còn phải tiếp tục theo 10 xuất hội với số tiền 67.000.000đ (tiền gốc và lãi). Nay vợ chồng ly hôn bà đề nghị Tòa án buộc vợ chồng phải trả bà số tiền trên để bà có tiền trả cho các hội viên. Do công việc bận bà xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay chị Phạm Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày. Về con chung anh Kh bổ sung xin được nuôi dưỡng cháu Trang và cháu Bách và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản các bên đương sự đều xác nhận anh Kh đã bàn giao xe mô tô 01 xe mô tô BKS 18H1 – 41859 đứng tên chị B cho chị B quản lý và sử dụng và trả cho bà Vũ Thị Th 21.000.000đ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án. Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 56, 59, 62, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử lý hôn giữa chị B và anh Kh. Về con chung giao 02 chung là cháu Chu Ngọc Diệu, sinh ngày 06-11-2008 và cháu Chu Gia Bách, sinh ngày 13-5-2018 cho chị Phạm Thị B nuôi dưỡng. Giao cháu Chu Ngọc Trang, sinh ngày 02-9-2013 cho anh Chu Văn Kh nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Về tài sản chung và công nợ: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về tài sản chung và công nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm ông đại diện Ngân hàng, bà Th và bà H xin được vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt họ là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị B và anh Chu Văn Kh là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải Lộc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 25-12-2007. Quá trình chung sống do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm

sống khác nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích cãi chửi nhau. Từ tháng 2-2019, chị B và anh Kh đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ, tình cảm, trách nhiệm đối với nhau từ đó đến nay nên chị B làm đơn xin được ly hôn anh Kh.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh Kh đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị B và anh Kh là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị B và anh Chu Văn Kh đều trình bày vợ chồng có 03 con chung là cháu Chu Ngọc Diệu, sinh ngày 06-11-2008, cháu Chu Ngọc Trang, sinh ngày 02-9-2013 và cháu Chu Gia Bách, sinh ngày 13-5-2018. Khi ly hôn nguyện vọng của chị B xin được nuôi cả 03 con. Anh Kh đề nghị xin được nuôi cháu Trang và cháu Bách, hai không đề nghị cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của chị B và anh Kh thì thấy. Cháu Chu Gia Bách mới 17 tháng 9 ngày tuổi theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình con dưới 36 tháng tuổi phải giao cho mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Chu Ngọc Diệu cũng có nguyện vọng xin được ở với chị B. Do đó, để đảm bảo sự phát triển lành mạnh của các cháu xét cần giao cháu Chu Ngọc Diệu và cháu Chu Gia Bách cho chị B nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Chu Văn Kh nuôi dưỡng cháu Chu Ngọc Trang. Do hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng chị B và anh Kh đã tự phân chia tài sản đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án để thuận lợi cho việc sở hữu, sử dụng cũng như trả nợ sau này cụ thể:

- Anh Chu Văn Kh được quyền sử dụng thổ đất diện tích 480m² tại tờ bản đồ số 19, số thửa 129 tại xóm 9, xã Hải Lộc đứng tên anh Kh, chị B và được quyền sở hữu 01 nhà mái bằng (hiện nay anh Kh đang quản lý sử dụng). Nhưng phải trả nợ Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Chi nhánh Hải Hậu 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Chị Phạm Thị B được quyền sở hữu 01 xe máy BKS 18H1 – 41859 đứng tên chị B (hiện nay chị B đang quản lý). Nhưng chị B phải trả nợ cho bà Nguyễn Thị H 67.000.000đ tiền hội, trả bà Vũ Thị Th 25 chỉ vàng 9999.

Xét việc thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị B là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn theo quy định. Về án phí chia tài sản hai bên không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 62, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị B và anh Chu Văn Kh.

2. Về con chung: Giao cháu Chu Ngọc Diệu, sinh ngày 06-11-2008 và cháu Chu Gia Bách, sinh ngày 13-5-2018 cho chị Phạm Thị B nuôi dưỡng. Giao cháu Chu Ngọc Trang, sinh ngày 02-9-2013 cho anh Chu Văn Kh nuôi dưỡng. Các bên nuôi dưỡng con chung cho đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau và được quyền đi lại chăm sóc con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Nghĩa vụ bàn giao con chung: Buộc anh Chu Văn Kh phải giao 02 con chung là cháu Chu Ngọc Diệu, sinh ngày 06-11-2008 và cháu Chu Gia Bách, sinh ngày 13-5-2018 cho chị Phạm Thị B nuôi dưỡng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về tài sản chung và công nợ: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án ghi trong bản án cụ thể như sau :

- Chị Phạm Thị B được quyền sở hữu 01 xe máy BKS 18H1 – 41859 đứng tên chị B(Hiện chị B đang quản lý sử dụng). Nhưng chị B phải trách nhiệm trả nợ cho bà Nguyễn Thị H 67.000.000đ tiền hội, trả nợ mẹ đẻ bà Vũ Thị Th 25 chỉ vàng 9999.

- Anh Chu Văn Kh được quyền sử dụng thổ đất diện tích 480m² tại tờ bản đồ số 19, số thửa 129 tại xóm 9, xã Hải Lộc đứng tên anh Kh, chị B và được quyền sở hữu 01 nhà mái bằng (hiện nay anh Kh đang quản lý sử dụng). Nhưng anh Kh phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Chi nhánh Hải Hậu số tiền nợ 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) (gốc) và tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng.

Anh Chu Văn Kh có trách nhiệm đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 000436 ngày 23-5-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; chị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí chia tài sản: Do chị B và anh Kh tự thỏa thuận phân chia tài sản chung trước khi Tòa án hòa giải nên không phải chịu án phí dân sự về phân chia tài sản chung.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi

hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện + Tỉnh: 2 bản;
- Chi cục THA dân sự huyện Hải Hậu: 1 bản;
- UBND xã Hải Lộc: 01 bản;
- Mỗi đương sự: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 02 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hằng